

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ  
**SỞ TÀI CHÍNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **352** /STC-QLG&CS  
V/v đăng tải dự thảo Quy định mức  
thu tiền sử dụng khu vực biển trên  
địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn  
2022-2026

Quảng Trị, ngày **25** tháng **01** năm 2022

Kính gửi: Văn phòng UBND tỉnh

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 149/UBND-NC ngày 12/01/2022 về việc phân công xây dựng văn bản QPPL năm 2022.

Sở Tài chính đã xây dựng dự thảo Quyết định Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2022-2026.

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015, Sở Tài chính đề nghị Văn phòng UBND tỉnh đăng tải nội dung Dự thảo Quyết định để các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân góp ý kiến.

Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh quan tâm, hỗ trợ thực hiện./.

(Dự thảo Quyết định kèm theo Công văn)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Trung tâm tin học tỉnh;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, QLG&CS.

*U*

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Anh Phương**

Số: /2022/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2022

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn  
tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật năm 2020;*

*Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm  
2015;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của  
Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân  
khai thác, sử dụng tài nguyên biển;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số ...../TTr-STC  
ngày ... tháng ... năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khi tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

b) Cơ quan quản lý nhà nước, cấp có thẩm quyền giao khu vực biển;

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

d) Quyết định này không áp dụng đối với các trường hợp được quy định tại: Điểm b Khoản 1 Điều 1 và Điều 31 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ.

**Điều 2. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển**

Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026 thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

1. Nhóm 1: Sử dụng khu vực biển để nhận chìm: 20.000 đồng/m<sup>3</sup>;
2. Nhóm 2: Sử dụng khu vực biển để làm cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí ngoài khơi và các cảng, bến khác; làm vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyên tải, luồng hàng hải chuyên dùng, các công trình phụ trợ khác; vùng nước phục vụ hoạt động của cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu thuyền, xây dựng cảng tàu vận tải hành khách; vùng nước phục vụ hoạt động nhà hàng, khu dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao trên biển; khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; khai thác dầu khí; khai thác khoáng sản; trục vớt hiện vật, khảo cổ: 6.500.000 đồng/ha/năm;
3. Nhóm 3: Sử dụng khu vực biển để xây dựng cáp treo, các công trình nổi, ngầm, lấn biển, đảo nhân tạo, xây dựng dân dụng và các công trình khác trên biển: 6.000.000 đồng/ha/năm;
4. Nhóm 4: Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống đường ống dẫn ngầm, lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện: 5.000.000 đồng/ha/năm;
5. Nhóm 5: Sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, xây dựng cảng cá: 4.000.000 đồng/ha/năm;
6. Nhóm 6: Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu và các hoạt động sử dụng khu vực biển khác: 3.300.000 đồng/ha/năm.
7. Đối với những hoạt động sử dụng khu vực biển chưa có quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể theo mức thu tiền sử dụng khu vực biển nêu tại các điều trên, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể nhưng không thấp hơn 3.000.000 đồng/ha/năm và không cao hơn 7.500.000 đồng/ha/năm.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng .... năm 2022 và thay thế Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 03/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Cục trưởng

Cục thuế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, Các PVP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, địa phương;
- Trung tâm Thông tin - Công báo (đưa tin);
- Lưu: VT, TM(...).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**BẢNG TỔNG HỢP, SO SÁNH MỨC THU SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN**

ST T	Tên nhóm	Nghị định 11/2020/NĐ-CP	Dự thảo Quyết định	Quyết định 14/2020/QĐ-UBND	Tỉnh Quảng Bình	Tỉnh Thanh Hóa	Tỉnh Hà Tĩnh	Tỉnh Nghệ An	Đà Nẵng
1	Nhóm 1: Sử dụng khu vực biển để nhận chìm	Từ 15.000 đến 20.000 đồng/m <sup>3</sup>	20.000 đồng/m <sup>3</sup>	Nhóm 5: (đồ thái bùn nạo vét): 7.500.000 đồng/ha/năm	20.000 đồng/m <sup>3</sup>	20.000 đồng/m <sup>3</sup>	20.000 đồng/m <sup>3</sup>	17.000 đồng/m <sup>3</sup>	20.000 đồng/m <sup>3</sup>
2	Nhóm 2: Sử dụng khu vực biển để làm cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí ngoài khơi và các cảng, bến khác; làm vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, luồng hàng hải chuyên dùng, các công trình phụ trợ khác; vùng nước phục vụ hoạt động của cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu thuyền, xây dựng cảng tàu vận tải hành khách; vùng nước phục vụ hoạt động nhà hàng, khu dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao trên biển; khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; khai thác dầu khí; khai thác khoáng sản; trục vớt hiện vật, khảo cổ	Từ 6.500.000 đến 7.500.000 đồng/ha/năm	6.500.000 đồng/ha/năm	Nhóm 4: 6.000.000 đồng/ha/năm	7.150.000 đồng/ha/năm	6.500.000 đồng/ha/năm	Từ 6.500.000 đến 7.000.000 đồng/ha/năm	Từ 7.000.000 đến 7.500.000 đồng/ha/năm	7.500.000 đồng/ha/năm
3	Nhóm 3: Sử dụng khu vực biển để xây dựng cáp treo, các công trình nổi, ngầm, lán biển, đảo nhân tạo, xây dựng dân dụng và các công trình khác trên biển	Từ 6.000.000 đến 7.500.000 đồng/ha/năm	6.000.000 đồng/ha/năm	Nhóm 3: 5.000.000 đồng/ha/năm	6.600.000 đồng/ha/năm	6.000.000 đồng/ha/năm	6.500.000 đồng/ha/năm	6.500.000 đồng/ha/năm	7.500.000 đồng/ha/năm
4	Nhóm 4: Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống đường ống dẫn ngầm, lấp đặt cáp viễn thông, cáp điện	Từ 5.000.000 đến 7.500.000 đồng/ha/năm	5.000.000 đồng/ha/năm	Nhóm 2: 4.000.000 đồng/ha/năm	5.500.000 đồng/ha/năm	5.000.000 đồng/ha/năm	5.500.000 đồng/ha/năm	5.500.000 đồng/ha/năm	7.500.000 đồng/ha/năm

5	Nhóm 5: Sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, xây dựng cảng cá	Từ 4.000.000 đến 7.500.000 đồng/ha/năm	4.000.000 đồng/ha/năm	Nhóm 6 (các hoạt động sử dụng khu vực biển khác): 3.000.000 đồng/ha/năm	4.400.000 đồng/ha/năm	4.000.000 đồng/ha/năm	4.500.000 đồng/ha/năm	4.500.000 đồng/ha/năm	7.500.000 đồng/ha/năm
6	Nhóm 6: Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu và các hoạt động sử dụng khu vực biển khác	Từ 3.000.000 đến 7.500.000 đồng/ha/năm	3.300.000 đồng/ha/năm	Nhóm 1: 3.000.000 đồng/ha/năm	3.300.000 đồng/ha/năm	5.250.000 đồng/ha/năm	4.000.000 đồng/ha/năm	4.500.000 đồng/ha/năm	7.500.000 đồng/ha/năm